

Bản án số: **298/2024/HS-ST**
Ngày: 25-11-2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Hùng
Bà Lê Thị Bích Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 303/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 292/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2024, đối với các bị cáo:

1/ Vũ Minh T, sinh ngày 04/5/1994 tại tỉnh Đồng Nai.

HKTT và chỗ ở: ấp D, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không Trình độ học vấn: 4/12

Dân tộc: Kinh Giới tính : Nam

Tôn giáo : Công giáo Quốc tịch : Việt Nam

Con ông Vũ Văn T1 và bà Vũ Thị N.

Gia đình có 08 chị em, bị cáo là con thứ tám.

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Ngày 13/6/2019, bị Tòa án nhân dân huyện C, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo bản án số 13/2019/HS-ST ngày 13/6/2019. Chấp hành xong hình phạt 08/01/2020 tại Trại giam T5, tỉnh Long An và đóng án phí hình sự sơ thẩm ngày 02/10/2019.

- Ngày 29/10/2024, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo bản án số 281/2024/HS-ST (chưa có hiệu lực pháp luật).

Hiện tại bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác, theo Lệnh tạm giam về tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản” của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

2/ Vũ Minh N1, sinh ngày 16/5/1992 tại tỉnh Hậu Giang.

HKTT: ấp D, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: ấp Q, xã M, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không Trình độ học vấn: 7/12

Dân tộc: Kinh Giới tính : Nam

Tôn giáo : Công giáo Quốc tịch : Việt Nam

Con ông Vũ Văn T1 và bà Vũ Thị N.

Gia đình có 08 chị em, bị cáo là con thứ bảy.

Vợ là Nguyễn Thị Tiểu L, sinh năm 1995; có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2014, còn nhỏ nhất sinh năm 2019).

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 29/10/2024, bị Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo bản án số 281/2024/HS-ST (chưa có hiệu lực pháp luật).

Hiện tại bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác, theo Quyết định tạm giam về tội “Trộm cắp tài sản” của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

** Bị hại:*

1/ Bà Bùi Thị Bạch T2, sinh năm 1976; Địa chỉ: số C đường Đ, khu C, ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2/ Bà Nguyễn Thị Mộng T3, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3/ Bà Đặng Thị T4, sinh năm 1998; Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2/ Ông Trần Văn R, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

** Người làm chứng: Ông Cao Nguyễn Duy B, sinh năm 1992*

(Bà T3, bà T4 có mặt; Các đương sự khác đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Minh T và Vũ Minh Nhất là hai anh em ruột và đều không có nghề nghiệp ổn định, để có tiền tiêu xài cá nhân T đã thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn huyện T, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 22/4/2024, T điều khiển mô tô biển số 60B9-581.77 đến tiệm D1 do bà Bùi Thị Bạch T2 làm chủ để dán decal thay đổi màu xe. Trong lúc đợi dán decal, T đã mượn xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 60H1-041.86 của bà T2 để đi giải quyết công việc và được bà T2 đồng ý. T để lại số điện thoại cùng xe mô tô biển số 60B9-581.77 và hẹn khi nào xong việc sẽ quay lại lấy xe. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 60H1-041.86 về phòng trọ thì phát hiện trong cốp xe có giấy chứng nhận đăng ký xe nên nảy sinh ý định chiếm đoạt và mang xe mô tô biển số 60H1-041.86 đến tiệm C do ông Nguyễn Tiến D làm chủ cầm được số tiền 7.000.000 đồng, T đã tiêu xài hết. Bà T2 đã làm đơn trình báo Công an xã Đ, huyện T đồng thời giao nộp chiếc xe mô tô biển số 60B9- 581.77.

Theo bản kết luận định giá tài sản thì xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 60H1-041.86 (đã qua sử dụng) có trị giá: 12.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào ngày 25/4/2024, T đến cửa hàng mua bán xe cũ “U Kiền” do bà Nguyễn Thị Mộng T3 làm chủ với ý định giả vờ mua xe trả góp để được chạy thử xe rồi chiếm đoạt xe bán lấy tiền tiêu xài. T nói bà T3 dẫn T đi xem các loại xe, T chọn mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI biển số 60H1-321.09 với giá là 27.500.000 đồng. T nói cho chạy thử xe và đợi người nhà chuyển tiền rồi sẽ làm thủ tục thì bà T3 đồng ý. Bà T3 cử anh Cao Nguyễn Duy B (là nhân viên) đi theo ngồi phía sau xe để T chạy thử. Khi T điều khiển xe đến đoạn đường T, xã T, huyện T thì T nói anh B xuống xe ngồi bên đường để T tiếp tục chạy thử xe một mình, anh B tưởng thật nên đồng ý giao xe cho T chạy một mình, sau đó T điều khiển xe mô tô biển số 60H1-321.09 bỏ trốn. Bị mất tài sản, bà T3 đã trình báo Cơ quan công an, do lo sợ bị bắt, đến ngày 28/04/2024 T nhờ anh trai là Vũ Minh N1 đem xe mô tô biển số 60H1-321.09 đến trả lại cho bà T3.

Theo bản kết luận định giá tài sản thì xe mô tô nhãn hiệu Suzuki biển số 60H1-321.09 đã qua sử dụng có trị giá 27.300.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào ngày 03/05/2024, N1 điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki Satria (T và Nhất khai không nhớ biển số xe) chở T đi từ xã L, huyện T đến khu vực ấp H, xã Đ, huyện T, T phát hiện bà Đặng Thị T4 đang điều khiển xe máy đi phía trước, ở túi quần sau có để 01 điện thoại hiệu Iphone 12 promax nên nảy sinh ý định cướp giật chiếc điện thoại của bà T4 nên T nói N1 điều khiển xe đi theo bà T4, N1 đồng ý. Sau đó ,T và Nhất thấy bà T4 dừng xe mua đồ ở tiệm tạp hóa. Nhất dừng xe đứng đợi ở ngoài, T xuống xe đi bộ đến gần bà T4 dùng tay giật lấy điện thoại di động đang để ở túi quần sau của bà T4 rồi nhanh chóng chạy lên xe của N1 đang đứng đợi ở ngoài tẩu thoát. Sau khi cướp giật được tài sản, T và Nhất bán chiếc điện thoại cho một người đàn ông qua mạng xã hội được số tiền 4.000.000 đồng, chia nhau tiêu xài hết.

Theo bản kết luận định giá tài sản thì điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax mua năm 2022 có trị giá 14.000.000 đồng.

Công an xã Đ và Công an xã T đã thu giữ vật chứng, lập hồ sơ ban đầu và bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện T giải quyết theo thẩm quyền. Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối

với Vũ Minh T và Vũ Minh N1 để điều tra. Quá trình điều tra T và N1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản cáo trạng số 291/CT-VKS-TB ngày 25/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom để xét xử đối với bị cáo Vũ Minh T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Cướp giật tài sản ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175, khoản 1 Điều 174 và khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự; bị cáo Vũ Minh N1 về tội “Cướp giật tài sản ” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Trảng Bom giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Minh T mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù;
- Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Minh T mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù;
- Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Minh T mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù;
- Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Minh N1 mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 03 USB đã niêm phong là chứng cứ nên lưu hồ sơ vụ án.
- Đối với xe mô tô biển số 60H1-321.09 và xe mô tô biển số 60H1-041.86 là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Mộng T3 và bà Bùi Thị Bạch T2, Cơ quan CSĐT đã trả lại xe cho chủ sở hữu.
- Đối với 01 xe mô tô biển số 60B9- 581.77 của Vũ Minh T mua lại của ông Trần Văn R, T không sử dụng vào việc phạm tội, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.
- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 promax của bà T4 và xe mô tô mà T và N1 sử dụng làm phương tiện phạm tội, T và Nhất khai đã bán cho một người không rõ lai lịch nên không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Bà T2 và bà T3 đã nhận lại xe và không có yêu cầu bồi thường gì thêm; Bà Đặng Thị T4 yêu cầu các bị cáo bồi thường trị giá chiếc điện thoại iphone 12 Promax đã chiếm đoạt là số tiền 14.000.000 đồng; Ông Nguyễn Tiến D yêu cầu Vũ Minh T bồi thường số tiền 7.000.000 đồng mà ông D đã cầm cố xe mô tô 60H1- 041.86 của T. Các bị cáo đồng ý bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện. Hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

[2] Các bị cáo Vũ Minh N1, Vũ Minh T là anh em ruột và đều là những đối tượng không có việc làm ổn định. Để có tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo đã lợi dụng lòng tin và sơ hở trong bảo quản tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn xã T và Đ, huyện T trong khoảng thời gian từ ngày 22/4/2024 đến ngày 03/5/2024, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 22/4/2024, bị cáo T đến tiệm D1 ở ấp H, xã Đ, huyện T do bà Bùi Thị Bạch T2 làm chủ, để dán decal thay đổi màu xe mô tô biển số 60B9- 581.77. Trong khi đợi. Bị cáo T đã mượn xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 60H1-041.86 của bà T2 đi công chuyện nhưng khi phát hiện trong cốp xe có giấy tờ nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt và mang xe mô tô đi cầm lấy tiền tiêu xài. Xe có trị giá là 12.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào ngày 25/04/2024, bị cáo T đến cửa hàng mua bán xe cũ “U Kiền” ở ấp N, xã T, huyện T do bà Nguyễn Thị Mộng T3 làm chủ, với ý định giả vờ mua xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI biển số 60H1-321.09 trả góp để được chạy thử xe rồi chiếm đoạt. Xe có trị giá 27.300.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào ngày 03/5/2024, N1 điều khiển xe chở T, khi đến khu vực ấp H, xã Đ, huyện T, T phát hiện bà Đặng Thị T4 đang điều khiển xe máy đi phía trước, ở túi quần sau có để 01 điện thoại hiệu Iphone 12 promax nên nói N1 đi theo. Khi thấy bà T4 dừng xe mua đồ thì T xuống xe dùng tay giật điện thoại của bà T4 rồi nhanh chóng lên xe Nhất chở để tẩu thoát. Điện thoại có trị giá là 14.000.000 đồng.

Do đó, bị cáo Vũ Minh T đã 03 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175, khoản 1 Điều 174 và khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự; bị cáo Vũ Minh N1 đã phạm vào tội “*Cướp giật tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác trái pháp luật, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Các bị cáo đều là những đối tượng có nhân thân xấu, nhiều lần thực hiện nhiều hành vi chiếm đoạt tài sản. Bị cáo T đã từng bị xét xử về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, “*Trộm cắp tài sản*” và đang bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố về tội “*Cướp giật tài sản*” và “*Trộm cắp tài sản*”. Những điều này thể hiện, các bị cáo đều là những đối tượng có thái độ sống coi thường pháp luật và khó cải tạo, giáo dục. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của

từng bị cáo để nhằm răn đe, cải tạo và giáo dục các bị cáo trở thành công dân sống biết tuân thủ pháp luật.

[4] Xét về vai trò, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Ngày 03/05/2024, các bị cáo cùng thực hiện một hành vi phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm nhưng ở mức độ giản đơn. Bị cáo T là người chủ động khởi xướng, rủ rê, lôi kéo, trực tiếp giật điện thoại đi động ở túi quần sau của bà Đặng Thị T4, tìm nơi tiêu thụ tài sản. Bị cáo Nhất là đồng phạm có vai trò giúp sức, đứng ngoài cảnh giới và chờ bị cáo T tẩu thoát. Ngoài ra, bị cáo T còn thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Bùi Thị Bạch T2 và bà Nguyễn Thị Mộng T3. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo T phải cao hơn bị cáo N1 vì vừa tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm và vai trò độc lập.

[4.2] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] *Về xử lý vật chứng:*

[5.1] Đối với xe mô tô biển số 60H1-321.09 và xe mô tô biển số 60H1-041.86 là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Mộng T3 và bà Bùi Thị Bạch T2, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả xe cho chủ sở hữu là đúng quy định.

[5.2] Đối với 01 xe mô tô biển số 60B9- 581.77 của bị cáo T mua của ông Trần Văn R, không sử dụng vào việc phạm tội nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[5.3] Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 promax của bà T4 và xe mô tô hiệu Suzuki Satria mà T và N1 sử dụng làm phương tiện phạm tội, T khai đã bán cho một người không rõ lai lịch, Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không xem xét xử lý.

[5.4] Đối với 03 USB có liên quan đến việc chứng minh tội phạm nên lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Bà Nguyễn Thị Mộng T3 và bà Bùi Thị Bạch T2 đã nhận lại xe và không có yêu cầu bồi thường gì thêm; Bà Đặng Thị T4 yêu cầu các bị cáo bồi thường trị giá chiếc điện thoại là số tiền 14.000.000 đồng, các bị cáo đồng ý bồi thường; Ông Nguyễn Tiến D yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 7.000.000 đồng đã cầm cố xe mô tô 60H1- 041.86, bị cáo T đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với ông Nguyễn Tiến D khi cầm cố xe mô tô 60H1- 041.86 không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không xử lý.

[8] *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và án phí phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Vũ Minh T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Cướp giật tài sản*”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Vũ Minh T 01 (một) năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Vũ Minh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Vũ Minh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Buộc bị cáo Vũ Minh T phải chấp hành hình phạt chung của ba tội là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt của bản án này.

- Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Vũ Minh N1 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt của bản án này.

- Căn cứ các Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự;

+ Buộc các bị cáo Vũ Minh T và Vũ Minh N1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Đặng Thị T4 số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng). (phần nghĩa vụ liên đới của hai bị cáo là bằng nhau)

+ Buộc bị cáo Vũ Minh T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Tiến D số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bà T4 và ông D có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu bị cáo N1 và T chậm thi hành án thì còn phải chịu lãi của số tiền chậm thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tạm giữ 01 xe mô tô biển số 60B9- 581.77 (đã qua sử dụng, đã cũ, không có gương chiếu hậu bên trái và bên phải), số máy JF86E-2114514, số khung RLHJF5830KY050075 để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng trên được giao nhận theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai).

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Buộc các bị cáo Vũ Minh T và Vũ Minh N1, mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

+ Buộc bị cáo T phải nộp số tiền 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và bị cáo N1 phải nộp số tiền 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo, bà T3 và bà T4 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà T2 và ông D, ông R vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cũng bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo; đương sự;
- VKSND h.Trảng Bom;
- VKSND t. Đồng Nai;
- Công an h.Trảng Bom;
- Nhà tạm giữ - CA h. Trảng Bom;
- Trại giam B5 – CA t.Đồng Nai;
- CC.THADS h.Trảng Bom;
- UBND xã (phường) nơi các b/c cư trú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thùy Dung